

Số: 01/BC-TGD

Bình Dương, ngày 04 tháng 06 năm 2025

BÁO CÁO

TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2024 VÀ KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2025.

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương.

- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính về hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương (“Công ty”);

- Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/06/2024 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024;

- Căn cứ Nghị quyết số 18/NQ-HĐQT ngày 04/06/2025 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương.

Ban điều hành Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương kính báo cáo Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”) về Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 như sau:

I. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2024:

1. Tổng quan về thị trường:

Năm 2024, ngành dệt may Việt Nam ghi nhận những kết quả tích cực trong bối cảnh vẫn còn nhiều thách thức từ thị trường toàn cầu. Kim ngạch xuất khẩu toàn ngành đạt khoảng 44 tỷ USD, tăng 11,26% so với năm 2023. Trong đó, Mỹ tiếp tục là thị trường xuất khẩu lớn nhất, với kim ngạch ước đạt 16,71 tỷ USD, tăng 12,33% và chiếm 37,98% tổng kim ngạch xuất khẩu ngành.

Tuy nhiên, bên cạnh những điểm sáng về tăng trưởng, ngành dệt may cũng phải đối mặt với không ít khó khăn. Đáng chú ý, khả năng tiếp cận các đơn hàng lớn gặp trở ngại, trong khi đơn giá chưa có sự cải thiện đáng kể, ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả kinh doanh và khả năng gia tăng biên lợi nhuận. Ngoài ra, biến động lao động cũng là một thách thức đáng lưu ý khi nhiều doanh nghiệp gặp khó khăn trong việc duy trì đội ngũ lao động ổn định, đặc biệt tại các khu vực sản xuất tập trung.

Trong nửa cuối năm, thị trường ghi nhận những chuyển biến tích cực khi nhiều đơn hàng có xu hướng dịch chuyển từ các quốc gia như Bangladesh, Myanmar... sang Việt Nam do các yếu tố địa chính trị và yêu cầu đa dạng hóa chuỗi cung ứng của khách hàng quốc tế. Đây là cơ hội để doanh nghiệp Việt Nam tăng sản lượng đơn hàng, nâng cao năng lực sản xuất và củng cố vị thế trong chuỗi cung ứng toàn cầu. Tuy vậy, biên lợi nhuận toàn ngành vẫn chịu sức ép lớn do chi phí sản xuất, đặc biệt là chi phí lương, tiếp tục gia tăng trong khi đơn giá chưa thể điều chỉnh. Điều này buộc các doanh nghiệp

trong ngành phải nâng cao hiệu quả vận hành và tối ưu chi phí để duy trì khả năng cạnh tranh.

Nhìn chung, năm 2024 đánh dấu một năm phục hồi tích cực của ngành dệt may Việt Nam sau giai đoạn biến động, với nhiều tín hiệu khởi sắc về sản lượng và sự dịch chuyển đơn hàng. Tuy nhiên, thị trường vẫn còn tiềm ẩn không ít rủi ro và thách thức, đòi hỏi doanh nghiệp trong ngành cần tiếp tục linh hoạt, chủ động thích ứng và đa dạng hóa thị trường, nâng cao năng lực sản xuất và sáng tạo trong phát triển sản phẩm.

2. Tình hình phát triển mẫu và cơ cấu khách hàng tại công ty

Trong bối cảnh ngành may mặc toàn cầu còn nhiều biến động, cùng với áp lực cạnh tranh về chi phí và đơn giá chưa cải thiện, Công ty đã chủ động nắm bắt cơ hội từ xu hướng chuyển dịch chuỗi cung ứng và đồng thời triển khai nhiều giải pháp đồng bộ nhằm đảm bảo duy trì hoạt động sản xuất, ổn định việc làm và thu nhập cho người lao động như:

- Tăng cường khai thác mối quan hệ với khách hàng truyền thống, củng cố sự ổn định trong hợp tác lâu dài.
- Mở rộng dòng sản phẩm cho khách hàng hiện hữu nhằm đáp ứng nhu cầu đa dạng và gia tăng giá trị hợp tác.
- Tích cực phát triển mẫu mã mới, nâng cao năng lực thiết kế để đáp ứng thị hiếu thị trường.
- Chủ động thương lượng, đàm phán với khách hàng để chia sẻ khó khăn, điều chỉnh các yếu tố chi phí nhằm cân đối lại giá bán hàng trong bối cảnh chi phí đầu vào, đặc biệt là chi phí nhân công, có xu hướng gia tăng.
- Phát triển thị trường nội địa nhằm đa dạng hóa kênh tiêu thụ và giảm phụ thuộc vào thị trường xuất khẩu.

Mặc dù vẫn còn tồn tại những thách thức nhất định, Công ty đã thể hiện rõ quyết tâm trong việc duy trì mối quan hệ với các khách hàng chiến lược, đồng thời nâng cao năng lực phát triển sản phẩm, qua đó khẳng định cam kết đồng hành lâu dài và bền vững cùng đối tác, hướng đến mục tiêu tăng trưởng ổn định trong những năm tiếp theo.

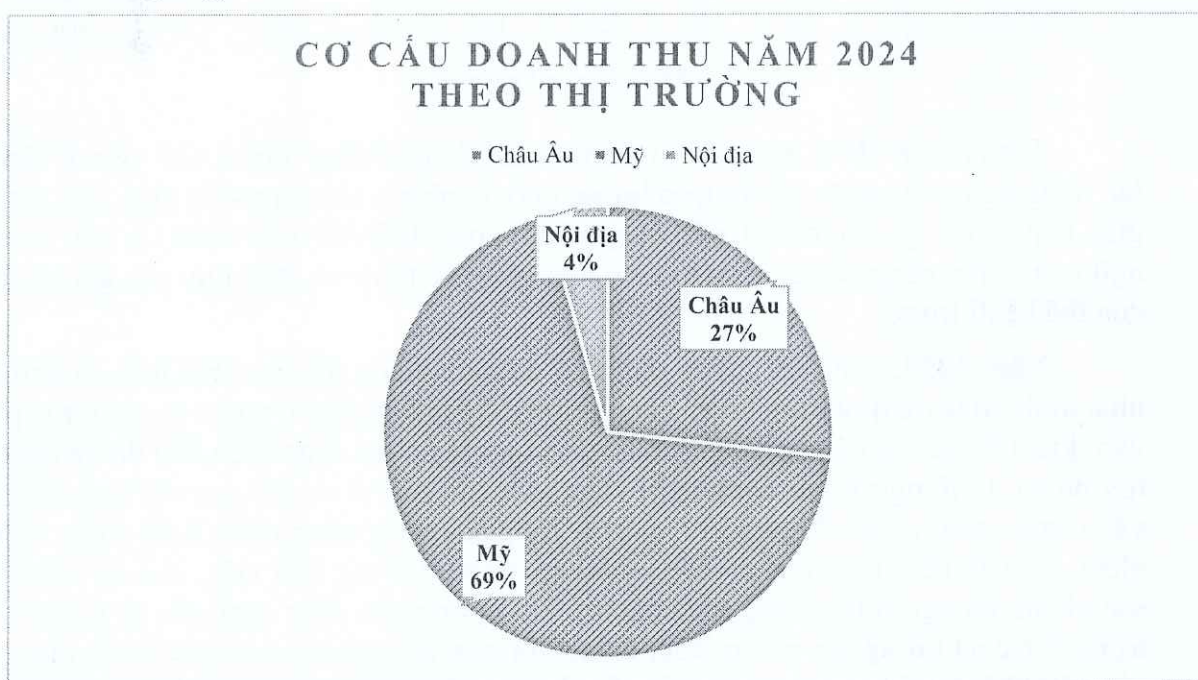
Trong năm 2024, Công ty tiếp tục duy trì hai hình thức sản xuất chính là FOB (sản xuất xuất khẩu) và gia công. Trong đó, hình thức FOB tiếp tục là chủ lực, chiếm 87% tổng sản lượng sản xuất của toàn Công ty. Hình thức gia công chiếm 13% còn lại.

Các khách hàng chính của Công ty năm 2024 như sau:

STT	Khách hàng	Thị trường	Loại hình	Sản phẩm	Sản lượng xuất hàng (cái)	Doanh thu (tỷ đồng)	Tỷ trọng (%)
1	Olymp	Châu Âu (Đức)	FOB	Áo sơ mi	1.523.440	442,6	24%
2	Rock Revival	Mỹ	FOB	Quần jeans	794.621	744,8	41%
3	Miss me	Mỹ	FOB	Quần jeans	619.926	358,1	20%
4	Pac sun	Mỹ	FOB	Quần jeans	206.682	56,7	3%
5	Yody	Việt Nam	FOB	Quần jeans	407.085	75,0	4%

STT	Khách hàng	Thị trường	Loại hình	Sản phẩm	Sản lượng xuất hàng (cái)	Doanh thu (tỷ đồng)	Tỷ trọng (%)
6	Evolution 3	Châu Âu (Đức)	Gia công	Quần jeans	448.704	44,3	3%
7	Eunina	Mỹ	FOB + Gia công	Quần jeans	328.300	88,5	5%
8	Khách hàng khác	Việt Nam	Gia công	Quần jeans	66.567	6,6	0%
	Tổng cộng				4.395.325	1.816,5	100%

Đối với khách hàng Eunina, trong năm 2024 Công ty vẫn sản xuất theo cả hai hình thức FOB và gia công. Tuy nhiên, Công ty đang định hướng chuyển hoàn toàn đơn hàng Eunina sang hình thức FOB nhằm nâng cao giá trị gia tăng và chủ động hơn trong chuỗi cung ứng.



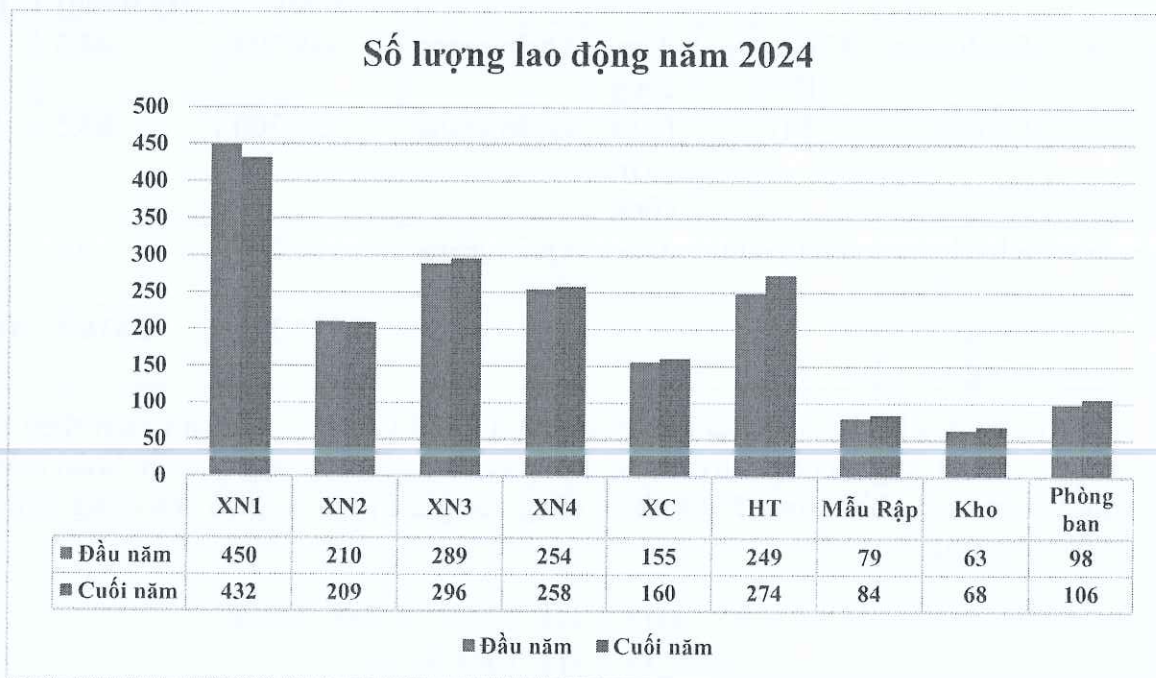
Dựa trên cơ cấu doanh thu theo khách hàng trong năm 2024, có thể thấy Mỹ tiếp tục là thị trường xuất khẩu chủ lực của Công ty, chiếm tỷ trọng 69% tổng doanh thu. Tiếp theo là thị trường châu Âu, chiếm 27% doanh thu, và thị trường trong nước chiếm 4%. Cơ cấu này phản ánh rõ định hướng chiến lược tập trung vào xuất khẩu của Công ty. Tuy nhiên, nhằm giảm thiểu rủi ro phụ thuộc vào một thị trường duy nhất, Công ty định hướng xây dựng chiến lược đa dạng hóa thị trường xuất khẩu, từng bước mở rộng sang các thị trường khác ngoài Mỹ trong giai đoạn tới..

3. Tình hình lao động – Thu nhập, phúc lợi của người lao động

3.1. Tình hình tuyển dụng và biến động lao động

Tính đến ngày 31/12/2024, tổng số lao động của Công ty là 1.887 người, tăng 40 lao động so với thời điểm đầu năm (1.847 người). Trong năm, Công ty có 591 lao động nghỉ việc, 631 lao động được tuyển mới. Việc duy trì và bổ sung lực lượng lao động kịp

thời đã góp phần đảm bảo ổn định hoạt động sản xuất và đáp ứng nhu cầu nhân lực tại các đơn vị.



Trong năm 2024, nhu cầu tuyển mới lao động không nhiều, chủ yếu để thay thế lao động nghỉ việc hoặc bổ sung số lượng nhỏ do phát sinh công việc mới. Đối với khối gián tiếp, Công ty chú trọng tuyển dụng nhằm hoàn thiện bộ máy nhân sự, xây dựng đội ngũ nhân viên năng động, sáng tạo, có khả năng kế thừa và phát huy các giá trị cốt lõi của thể hệ đi trước.

Năm 2024, công tác tuyển dụng tại doanh nghiệp đã gặp phải một số khó khăn nhất định. Mặc dù quy trình tuyển chọn được triển khai nghiêm ngặt với các bước phỏng vấn, kiểm tra tay nghề và thẩm định hồ sơ ứng viên được thực hiện đầy đủ và chặt chẽ, tuy nhiên, tỷ lệ người lao động nghỉ việc hoặc xin rút hồ sơ chỉ sau vài ngày làm việc vẫn ở mức cao (chiếm khoảng 10% trong tổng số lượng công nhân nghỉ việc). Nguyên nhân chủ yếu đến từ sự chênh lệch kỳ vọng về môi trường làm việc, chế độ lương theo sản phẩm mà người lao động chưa nắm rõ khi phỏng vấn. Bên cạnh đó, do Công ty chú trọng đến chất lượng sản phẩm, đòi hỏi lao động có tay nghề cao và gắn bó ổn định, điều này gây không ít khó khăn trong việc thu hút lao động trẻ mới vào nghề.

Tỷ lệ nghỉ việc trong nhóm lao động tuyển mới năm 2024 vẫn ở mức cao, phản ánh tâm lý chưa ổn định của người lao động khi bắt đầu công việc mới, cùng với xu hướng làm thử – so sánh môi trường và chính sách phúc lợi giữa các đơn vị.

⚠ Nguyên nhân nghỉ việc chủ yếu bao gồm:

- Tác động của suy thoái kinh tế: khiến nhiều người có xu hướng chuyển về quê để ổn định cuộc sống, hạn chế chi phí sinh hoạt tại các khu công nghiệp hoặc đô thị lớn;
- Tình trạng lạm phát gia tăng: ảnh hưởng đến thu nhập thực tế;
- Áp lực công việc: Yêu cầu ngày càng cao của công ty về năng suất và chất lượng sản phẩm khiến một số công nhân cảm thấy áp lực, thiếu ổn định tâm lý trong quá trình làm việc. Từ đó, họ có xu hướng nghỉ việc để tìm kiếm những công việc nhẹ nhàng hơn

Dù Công ty đã nhanh chóng thực hiện tuyển dụng thay thế, nhưng việc đào tạo nhân sự mới cần thời gian, phần nào ảnh hưởng đến năng suất và chất lượng sản xuất chung của đơn vị.

3.2. Công tác đào tạo

Năm 2024, Công ty đã ban hành Quy chế đào tạo nhằm làm cơ sở cho việc triển khai các hoạt động đào tạo, hướng đến mục tiêu nâng cao chất lượng nguồn nhân lực một cách toàn diện và có hệ thống. Trong đó, việc đa dạng hóa đối tượng đào tạo và kết hợp linh hoạt các hình thức đào tạo được xác định là định hướng trọng tâm và được triển khai nghiêm túc.

❖ Hiệu quả công tác đào tạo năm 2024:

Nhìn chung, chất lượng đào tạo trong năm 2024 có sự chuyển biến rõ rệt, đặc biệt là đối với đội ngũ công nhân may trực tiếp. Phòng Nhân sự đã phối hợp chặt chẽ với Phòng Công nghệ Kỹ thuật (IE) trong việc đánh giá năng lực định kỳ, xây dựng kế hoạch đào tạo hàng tháng cho công nhân từng đơn vị sản xuất.

Bên cạnh đào tạo tay nghề cho đội ngũ công nhân trực tiếp sản xuất, trong năm 2024, Công ty cũng đặc biệt chú trọng đến đào tạo đội ngũ quản lý, bao gồm quản lý cấp trung và quản lý cấp tổ chuyên, với trọng tâm là các kỹ năng mềm và phát triển tư duy nhận thức. Đây là một trong những bước chuẩn bị quan trọng nhằm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của ngành trong bối cảnh thị trường có nhiều biến động.

Các khóa đào tạo được tổ chức đa dạng về hình thức như: thảo luận nhóm, thuyết trình, làm việc theo nhóm, giúp người học không chỉ tiếp thu kiến thức mà còn tăng cường khả năng ứng dụng vào thực tiễn công việc. Đồng thời, thông qua các hoạt động này, đội ngũ quản lý có cơ hội giao lưu, thấu hiểu và chia sẻ, từ đó giảm thiểu những cảm xúc tiêu cực, góp phần xây dựng văn hóa doanh nghiệp tích cực và mối quan hệ làm việc hài hòa trong nội bộ.

❖ Khó khăn trong công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực

Mặc dù đã đạt được một số kết quả tích cực trong công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực trong năm 2024, tuy nhiên, quá trình triển khai vẫn gặp phải một số khó khăn và hạn chế nhất định, cụ thể như sau:

- Khó khăn trong đào tạo đa năng công đoạn: Áp lực giữ vững năng suất và chất lượng sản phẩm khiến nhiều đơn vị sản xuất có xu hướng chuyên môn hóa công đoạn cho công nhân để đảm bảo thu nhập và đáp ứng kế hoạch sản xuất. Điều này dẫn đến việc triển khai đào tạo đa năng công đoạn từ bộ phận cải tiến và Phòng Nhân sự gặp nhiều trở ngại, mang tính bị động và chưa đạt được kết quả như kỳ vọng ban đầu.

- Tập trung đào tạo công nhân mới, thiếu chủ động nâng cao năng lực công nhân hiện tại: Trước tình hình biến động lao động lớn, Công ty buộc phải ưu tiên đào tạo công nhân mới để kịp thời bổ sung vào các chuyền may, dẫn đến việc chưa dành đủ nguồn lực và sự quan tâm cho công tác nâng cao năng suất và kỹ năng cho công nhân hiện hữu. Việc phát triển năng lực của công nhân hiện tại phần lớn mang tính tự thân, thiếu định hướng và tác động chủ động từ cấp quản lý.

- Hạn chế trong đào tạo đội ngũ quản lý: Lịch sản xuất dày đặc cùng với việc thường xuyên thay đổi mã hàng và chất liệu đã ảnh hưởng đến khả năng tham gia đầy

đủ của các quản lý trong các chương trình đào tạo. Ngoài ra, trình độ chưa đồng đều trong đội ngũ quản lý cũng hạn chế chất lượng trao đổi và tương tác tại các buổi học. Phần lớn các buổi đào tạo chỉ có một số ít cá nhân tích cực tham gia, trong khi số còn lại tham dự mang tính hình thức, thiếu chủ động và chưa phát huy được hiệu quả như mong đợi.

3.3. Tiền lương – Thu nhập người lao động

Công ty luôn tuân thủ nghiêm túc các quy định pháp luật về lao động, đảm bảo mức lương phù hợp, trả lương đầy đủ và đúng hạn theo nội dung hợp đồng lao động và Thỏa ước lao động tập thể.

Đặc biệt, kể từ tháng 7 năm 2024, Công ty đã thực hiện điều chỉnh tăng lương 6% cho người lao động theo quy định tại Nghị định số 74/2024/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 30/6/2024 về mức lương tối thiểu vùng. Việc điều chỉnh này nhằm đảm bảo thu nhập cho người lao động trong bối cảnh biến động kinh tế, đồng thời thể hiện cam kết của Công ty trong việc nâng cao đời sống người lao động và xây dựng môi trường làm việc ổn định, bền vững.

Bên cạnh đó, nhằm tạo động lực nâng cao năng suất, khích lệ tinh thần làm việc và hỗ trợ thu nhập cho người lao động, Công ty tiếp tục triển khai các chính sách thưởng chuyên, tổ và thưởng năng suất đối với các đơn vị hoàn thành vượt mức chỉ tiêu kế hoạch.

❖ Thu nhập bình quân năm 2024:

- Thu nhập bình quân của lao động trực tiếp làm việc 208 giờ/tháng đạt 9,8 triệu đồng/người/tháng.
- Thu nhập bình quân của lao động trực tiếp làm việc 241 giờ/tháng đạt 11,4 triệu đồng/người/tháng.
- Thu nhập bình quân của khối gián tiếp đạt 14,6 triệu đồng/người/tháng.

Công ty cũng thực hiện chi trả lương tháng 13 nhằm ghi nhận đóng góp của người lao động: Đối với công nhân trực tiếp sản xuất, mức thưởng tương đương 2,3 tháng lương thực lĩnh; Đối với nhân viên nghiệp vụ, mức thưởng tương đương 2,55 tháng lương thực lĩnh. Tổng số tiền chi trả lương tháng 13 trong năm 2024 là 43,7 tỷ đồng, góp phần hỗ trợ người lao động nâng cao thu nhập, ổn định đời sống và gắn bó lâu dài với Công ty.

Bên cạnh việc đảm bảo chế độ tiền lương, trong năm 2024, Công ty đã thực hiện điều chỉnh mức đóng Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế và Bảo hiểm thất nghiệp cho toàn thể người lao động kể từ tháng 7/2024. Cụ thể:

- Đối với khối công nhân trực tiếp, mức đóng bảo hiểm được điều chỉnh dựa trên lương bậc tay nghề, phản ánh đúng trình độ và năng lực lao động. Cụ thể mức lương áp dụng đóng bảo hiểm từ 5,6 triệu đồng đến 8,4 triệu đồng tùy theo bậc tay nghề.
- Đối với khối gián tiếp, mức đóng bảo hiểm được căn cứ trên lương tháng theo hợp đồng lao động.

Việc điều chỉnh này thể hiện cam kết của Công ty trong việc bảo đảm đầy đủ quyền lợi an sinh cho người lao động, đồng thời phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành.

3.4. Chế độ phúc lợi của người lao động

Công ty luôn xác định người lao động là tài sản quý giá, là yếu tố then chốt cho sự phát triển bền vững. Trong năm 2024, Công ty đã triển khai đồng bộ nhiều chính sách chăm lo đời sống, sức khỏe và tinh thần cho người lao động, cụ thể như sau:

- Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho toàn thể người lao động theo đúng quy định pháp luật, đảm bảo theo dõi và phát hiện sớm các vấn đề sức khỏe nghề nghiệp.
- Tổ chức bữa ăn giữa ca với đơn giá 22.000 đồng/suất. Thực đơn được thay đổi hàng ngày, với món ăn đa dạng do hai đơn vị nhà ăn cung cấp. Các đơn vị này đều có giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn vệ sinh thực phẩm, và nguồn thực phẩm được kiểm soát nghiêm ngặt theo đúng quy định.
- Về môi trường làm việc: Hằng năm, Công ty thuê đơn vị chuyên môn thực hiện đo quan trắc môi trường lao động, đảm bảo các chỉ số đều đạt tiêu chuẩn quy định về điều kiện làm việc an toàn, vệ sinh và thân thiện.
- Về an toàn – vệ sinh lao động: Công ty thực hiện cấp phát đầy đủ bảo hộ lao động phù hợp với đặc thù từng bộ phận. Đồng thời, thường xuyên kiểm tra, sửa chữa và bổ sung các hệ thống liên quan đến an toàn lao động như hệ thống phòng cháy chữa cháy tự động, hệ thống xử lý nước thải, bảo đảm vận hành an toàn, hiệu quả.
- Tổ chức tham quan, du lịch cho toàn thể người lao động với mức kinh phí 2,5 triệu đồng/người (trong đó Công ty hỗ trợ 2 triệu đồng, Công đoàn hỗ trợ 500 nghìn đồng).
- Trong dịp Tết Nguyên đán 2024, Công ty đã hỗ trợ chi phí đi lại về quê ăn Tết cho người lao động, thể hiện sự quan tâm thiết thực đến đời sống tinh thần và gắn kết đội ngũ.

4. Tình hình đầu tư

4.1. Đầu tư máy móc thiết bị, sửa chữa nhà xưởng:

Trong năm 2024, Công ty tiếp tục thực hiện các hoạt động đầu tư, sửa chữa, cải tạo nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất, đảm bảo an toàn và cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động. Tổng chi phí đầu tư tài sản cố định và sửa chữa nhà xưởng trong năm là 21,6 tỷ đồng, trong đó đầu tư cho hai công trình PCCC lớn chiếm 17,8 tỷ đồng. Cụ thể:

a) Về đầu tư máy móc thiết bị sản xuất

Công ty đã đầu tư 08 máy móc thiết bị chuyên dùng để thay thế cho các thiết bị cũ, không còn hoạt động hiệu quả. Tổng trị giá đầu tư: 822 triệu đồng.

b) Đầu tư thiết bị truyền dẫn và nhà xưởng

- Đầu tư 01 nồi hơi 300kg/h tại Xưởng Hoàn tất nhằm thay thế nồi hơi cũ không đảm bảo chất lượng, trị giá 205 triệu đồng.
- Xây dựng nhà để lò hơi với thiết kế đảm bảo khoảng cách an toàn và hiệu quả vận hành, trị giá 138 triệu đồng.

c) Đầu tư hệ thống phòng cháy chữa cháy (PCCC)

❖ Đối với các công trình trước Luật PCCC có hiệu lực:

Từ tháng 09/2023, Công ty đã triển khai thực hiện dự án đầu tư hệ thống PCCC theo Văn bản số 576/PC07-CTPC ngày 12/6/2023 của Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH

– Công an tỉnh Bình Dương hướng dẫn giải pháp PCCC đối với cơ sở hoạt động trước Luật PCCC. Dự án bao gồm hồ chứa nước PCCC (700m³), hệ thống chữa cháy vách tường, hệ thống chữa cháy tự động Sprinkler và trạm bơm cấp nước chữa cháy. Tổng kinh phí đầu tư cho dự án PCCC đối với các công trình trước Luật PCCC là 9,1 tỷ đồng.

Sau khi có kết luận của Cơ quan cảnh sát PCCC & CNCH TP.Thuận An về việc Công ty đã thực hiện đúng hướng dẫn của Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH – Công an tỉnh Bình Dương thì ngày 22/3/2024, giữa Công ty và Đơn vị thi công, đơn vị tư vấn giám sát đã tiến hành nghiệm thu hoàn thành công trình để bàn giao đưa vào sử dụng.

❖ Đối với các công trình sau Luật PCCC có hiệu lực (Xưởng Hoàn tất, Khu A cất chỉ, Kho phụ liệu và Khu may nhẵn):

Bên cạnh việc triển khai hệ thống phòng cháy chữa cháy (PCCC) đối với các công trình xây dựng trước khi Luật PCCC có hiệu lực, trong năm 2024 Công ty đã tiếp tục thực hiện rà soát và hoàn thiện hồ sơ pháp lý về PCCC đối với các công trình còn lại, bao gồm: Xưởng Hoàn tất, Khu A cất chỉ, Kho phụ liệu và Khu may nhẵn. Công trình được hoàn thành nghiệm thu và đưa vào sử dụng từ tháng 08/2024, với tổng mức đầu tư là 8,7 tỷ đồng.

Việc đầu tư bài bản, đồng bộ hệ thống PCCC tại tất cả các khu vực hoạt động sản xuất thể hiện cam kết mạnh mẽ của Công ty trong việc tuân thủ quy định pháp luật và đảm bảo an toàn tuyệt đối cho người lao động, tài sản và môi trường sản xuất.

d) Sửa chữa và cải tạo nhà xưởng

Tổng chi phí thực hiện: 2,3 tỷ đồng, bao gồm các hạng mục:

- Lắp đặt, thay thế hệ thống camera toàn Công ty;
- Sửa chữa hàng rào khuôn viên nhà ăn;
- Cải tạo hệ thống cấp nước chữa cháy tại kho nguyên liệu và kho thành phẩm;
- Sửa chữa nhà vệ sinh Xí nghiệp 1;
- Di dời và sửa chữa hệ thống làm mát tại Xưởng Hoàn tất;
- Cải tạo, làm mới sân đường nội bộ phục vụ xe cứu hỏa;
- Di dời và lắp đặt nồi hơi 500kg/h đến vị trí an toàn hơn tại Xưởng Hoàn tất;
- Sơn nước, chống thấm khu Xí nghiệp 1.

4.2. Đầu tư tài chính:

a) Công ty Cổ phần Protrade Laundry

Căn cứ theo Nghị quyết số 08/2021/NQ-HĐQT ngày 22/01/2021, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương đã thông qua chủ trương đóng cửa Công ty Cổ phần Protrade Laundry, với thời hạn muộn nhất là ngày 30/06/2022.

Tuy nhiên, do một số lý do khách quan liên quan đến thủ tục hành chính từ phía cơ quan chức năng, đến ngày 21/09/2024, Công ty Cổ phần Protrade Laundry mới nhận được Thông báo số 87728/24 ngày 13/09/2024 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương, xác nhận việc doanh nghiệp đã hoàn tất thủ tục giải thể theo quy định. Công ty Cổ phần Protrade Laundry cũng đã hoàn tất việc chi trả tài sản cho các cổ đông, khép lại quá trình hoạt động và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Hoạt động đầu tư vào Công ty Cổ phần Protrade Laundry được đánh giá là hiệu quả và phù hợp với định hướng phát triển sản xuất của Công ty. Trong thời gian hoạt động, sự đầu tư này đã góp phần đảm bảo chuỗi cung ứng, hỗ trợ tích cực cho hoạt động sản xuất, từ đó góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh của Công ty. Hiệu quả đầu tư được thể hiện rõ qua tỷ lệ lợi nhuận tăng dần trong giai đoạn 2018 - 2022, cho thấy sự hỗ trợ tích cực từ hoạt động đầu tư này đối với hiệu quả sản xuất kinh doanh chung. Bên cạnh đó, khi Công ty Cổ phần Protrade Laundry hoàn tất thủ tục giải thể, Công ty cũng đã thu hồi đầy đủ phần vốn đầu tư, đảm bảo an toàn tài chính và lợi ích hợp pháp cho cổ đông.

b) Công ty Cổ phần Phát triển Thời trang (FDC):

Với định hướng phát triển bền vững, hiện nay Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương đang sở hữu 76,08% cổ phần tại FDC.

Để kiểm soát hiệu quả vốn đầu tư và thống nhất chiến lược phát triển giữa hai Công ty, Hội đồng Quản trị Công ty May đã thực hiện điều chuyển và đề cử nhân sự quản lý chủ chốt sang FDC như sau:

- Ông Nguyễn Xuân Quân – Phó Tổng Giám đốc Thường trực Công ty May: giữ chức Chủ tịch Hội đồng Quản trị FDC kể từ ngày 01/01/2024.
- Bà Đoàn Thị Kim Ngân – được miễn nhiệm chức vụ Kế toán trưởng Công ty May để giữ chức Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng FDC, cũng từ ngày 01/01/2024.

❖ Kết quả kinh doanh năm 2024 của FDC:

- Doanh thu bán hàng: 250,6 tỷ đồng, đạt 116% kế hoạch năm.
- Lợi nhuận sau thuế: 47,5 tỷ đồng, đạt 163% kế hoạch năm.

Việc tăng cường vai trò quản trị của Công ty May tại FDC đã mang lại hiệu quả rõ rệt trong năm 2024, thể hiện qua mức tăng trưởng vượt kế hoạch cả về doanh thu lẫn lợi nhuận. Đây là một trong những điểm sáng nổi bật trong hoạt động đầu tư tài chính năm 2024, góp phần gia tăng giá trị sở hữu cho Công ty mẹ, đồng thời tạo nền tảng cho sự phối hợp phát triển đồng bộ giữa các đơn vị thành viên trong hệ thống.

5. Kết quả sản xuất kinh doanh:

5.1. Kết quả các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh (Báo cáo tài chính riêng):

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	Năm 2024			So với năm 2023	
			Kế hoạch	Thực hiện	% TH/KH	Thực hiện	% TH/2023
1	Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	tỷ đồng	1.564,6	1.816,5	116%	1.559,9	116%
2	Lợi nhuận trước thuế	tỷ đồng	111,4	201,2	181%	152,0	132%
3	Thuế TNDN	tỷ đồng	22,3	41,9	188%	32,3	130%

4	Lợi nhuận sau thuế	tỷ đồng	89,1	159,3	179%	119,7	133%
---	--------------------	---------	------	-------	------	-------	------

5.2. Kết quả các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh (*Báo cáo tài chính hợp nhất*):

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	Năm 2024			So với năm 2023	
			Kế hoạch	Thực hiện	% TH/KH	TH	% TH/2023
1	Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	tỷ đồng	1.564,5	1.816,5	116%	1.559,9	116%
2	Lợi nhuận trước thuế	tỷ đồng	116,1	210,3	181%	158,4	133%
3	Thuế TNDN hiện hành	tỷ đồng	22,3	41,9	188%	32,3	130%
4	Thuế TNDN hoãn lại	tỷ đồng	-	7,2		3,6	-204%
5	Lợi nhuận sau thuế.	tỷ đồng	93,8	175,6	187%	122,6	143%
	Trong đó:						
	- Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	tỷ đồng	86,9	164,3	189%	123,4	133%
	- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	tỷ đồng	6,7	11,4	163%	-0,8	1384%

Năm 2024, ngành dệt may Việt Nam ghi nhận sự phục hồi tích cực sau giai đoạn nhiều biến động, với những tín hiệu khởi sắc rõ rệt về sản lượng và xu hướng dịch chuyển đơn hàng toàn cầu. Nhờ đó, hoạt động kinh doanh của Công ty cũng có những bước phát triển đáng ghi nhận.

Các khách hàng lớn của Công ty tăng sản lượng đặt hàng, đặc biệt đối với các dòng sản phẩm thời trang. Kết quả, doanh thu bán hàng tăng 16% so với năm 2023, đạt 116% so với kế hoạch năm.

Mặc dù biên lợi nhuận của Công ty tiếp tục chịu áp lực do chi phí sản xuất gia tăng, Công ty vẫn cố gắng đạt được kết quả kinh doanh vượt kỳ vọng nhờ vào việc thực hiện hiệu quả các phương hướng, chiến lược của Hội đồng Quản trị, sự điều hành linh hoạt của Ban Điều hành cùng với tinh thần nỗ lực, trách nhiệm cao của toàn thể người lao động.

Bên cạnh đó, việc tăng sản lượng và kiểm soát chất lượng đã giúp Công ty con – Công ty Cổ phần Phát triển Thời trang hoạt động đạt hiệu quả vượt kế hoạch đề ra.

Ngoài ra, yếu tố khách quan từ khoản lãi chênh lệch tỷ giá khoảng 17 tỷ đồng trong năm cũng đóng góp tích cực vào kết quả chung. Cụ thể:

- Lợi nhuận sau thuế (báo cáo riêng) vượt 79% so với kế hoạch;
- Lợi nhuận sau thuế (báo cáo hợp nhất) vượt 87% so với kế hoạch.

6. Đánh giá tình hình tài chính

Trong năm 2024, tình hình tài chính của Công ty tiếp tục được kiểm soát chặt chẽ, đảm bảo tính thanh khoản, hiệu quả sử dụng vốn và an toàn tài chính. Một số chỉ tiêu tài chính quan trọng như sau:

Chỉ tiêu (Báo cáo tài chính riêng)	Năm 2024	Năm 2023	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	2,31	2,37	Lần
Hệ số thanh toán tức thời	0,09	0,21	Lần
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số nợ/Tổng tài sản	37%	37%	
Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	60%	59%	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	6,85	5,31	Lần
Vòng quay các khoản phải thu	7,32	7,55	Lần
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1,99	1,84	Lần
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	8,77%	7,67%	
Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE)	27,80%	23,34%	
Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	17,45%	14,11%	
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	10,34%	8,68%	

6.1. Quản lý tài sản lưu động, nợ ngắn hạn:

- Vốn bằng tiền: Do Công ty chủ động trong chiến lược tích lũy và đầu tư tài chính ngắn hạn thông qua hình thức gửi tiết kiệm, nên vốn bằng tiền tại thời điểm cuối năm 2024 thấp hơn so với năm 2023. Việc này nhằm tối ưu hóa dòng tiền nhân rồi và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.

- Hàng tồn kho: Hàng tồn kho chiếm 26% tổng tài sản ngắn hạn, giảm đáng kể so với tỷ lệ 34% của năm 2023. Thời gian quay vòng hàng tồn kho bình quân là 54 ngày, giảm 15 ngày so với năm trước. Số vòng quay hàng tồn kho đạt 6,85 lần/năm, cải thiện rõ rệt so với mức 5,31 lần/năm của năm 2023. Điều này phản ánh hiệu quả trong công tác quản lý sản xuất và điều phối đơn hàng.

- Nợ phải thu khách hàng: Chiếm 31% tài sản ngắn hạn, tăng nhẹ so với tỷ lệ 29% của năm trước. Tuy nhiên, không phát sinh nợ quá hạn hay nợ khó đòi. Thời hạn thu tiền bình quân là 50 ngày, tăng nhẹ 2 ngày so với năm 2023. Số vòng quay khoản phải

thu đạt 7,32 lần, giảm nhẹ so với mức 7,55 lần năm trước, phản ánh sự mở rộng đơn hàng nhưng vẫn trong giới hạn kiểm soát an toàn tín dụng.

- Nợ phải trả ngắn hạn: Chiếm 37% tổng nguồn vốn, giữ mức tương đương so với năm 2023. Công ty đảm bảo thực hiện đầy đủ, đúng hạn các nghĩa vụ thanh toán với nhà cung cấp và người lao động. Trong năm, vay ngân hàng tăng nhẹ nhằm mục tiêu cân đối và tối ưu hóa dòng tiền phục vụ sản xuất – kinh doanh. Các khoản thuế phải nộp cũng tăng nhẹ, chủ yếu do lợi nhuận tăng, dẫn đến khoản trích nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) cao hơn so với năm trước.

6.2. Quản lý tài sản dài hạn:

Tại thời điểm cuối năm 2024, tài sản dài hạn chiếm 14% tổng tài sản, tăng 2% so với năm 2023. Sự gia tăng này chủ yếu đến từ việc Công ty tiếp tục đầu tư vào máy móc, thiết bị sản xuất, sửa chữa nhà xưởng và nâng cấp hệ thống phòng cháy chữa cháy, nhằm đáp ứng yêu cầu sản xuất và đảm bảo an toàn vận hành.

Cơ cấu tài sản dài hạn của Công ty chủ yếu bao gồm: Tài sản cố định hữu hình, phục vụ trực tiếp cho hoạt động sản xuất; Các khoản đầu tư vào công ty con, nhằm hỗ trợ phát triển sản xuất kinh doanh đồng bộ.

Công tác đầu tư và quản lý tài sản dài hạn được thực hiện một cách chặt chẽ, hiệu quả, bám sát định hướng phát triển trung và dài hạn, đồng thời đảm bảo không xảy ra lãng phí hay thất thoát tài sản, góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng vốn và tăng trưởng bền vững cho Công ty trong tương lai.

7. Phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2024

Căn cứ Nghị quyết số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/06/2024 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 về việc thông qua kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2024, Ban Điều hành xin báo cáo như sau:

Trong năm 2024, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đạt và vượt các chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra, thể hiện qua tăng trưởng doanh thu, lợi nhuận và hiệu quả hoạt động. Tuy nhiên, để chủ động cân đối nguồn tài chính, chuẩn bị cho các kế hoạch di dời nhà xưởng trong giai đoạn tới, Công ty đã thực hiện rà soát, đề xuất tỷ lệ phân phối lợi nhuận một cách hợp lý, đảm bảo vừa đáp ứng quyền lợi cổ đông, vừa giữ vững tiềm lực tài chính và đảm bảo tính bền vững trong phát triển. Cụ thể lợi nhuận sau thuế năm 2024 được phân phối như sau:

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch	Thực hiện	Số tiền (đồng)
***	Vốn điều lệ			247.999.200.000
1	Lợi nhuận sau thuế (LNST)			159.267.592.394
2	Trích lập các quỹ			42.205.911.985
	<i>Quỹ đầu tư phát triển</i>	<i>20% LNST</i>	<i>20% LNST</i>	<i>31.853.518.479</i>
	<i>Quỹ khen thưởng phúc lợi</i>	<i>6% LNST</i>	<i>5% LNST</i>	<i>7.963.379.620</i>
	<i>Quỹ khen thưởng Ban điều hành</i>	<i>1% LNST</i>	<i>1,5% LNST</i>	<i>2.389.013.886</i>
3	Chi cổ tức bằng tiền	Không thấp hơn 10% vốn điều lệ	25% vốn điều lệ	61.999.800.000

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch	Thực hiện	Số tiền (đồng)
***	Vốn điều lệ			247.999.200.000
4	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối còn lại năm 2024			55.061.880.409
5	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước			126.654.994.058
6	Tổng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối			181.716.874.467

8. Đánh giá chung về hoạt động điều hành năm 2024

8.1. Kết quả đạt được

Năm 2024, dưới sự chỉ đạo sát sao của Hội đồng quản trị, cùng với sự điều hành linh hoạt của Ban Điều hành và sự đồng lòng, nỗ lực của toàn thể người lao động, Công ty đã hoàn thành tốt nhiệm vụ sản xuất kinh doanh theo kế hoạch đề ra. Bên cạnh việc đảm bảo các chỉ tiêu tài chính, Ban Điều hành đã tập trung triển khai hiệu quả nhiều mặt công tác quản trị và vận hành, cụ thể như sau:

- Tổ chức sản xuất linh hoạt, thích ứng tốt trong điều kiện biến động về lực lượng lao động, duy trì ổn định hoạt động sản xuất.
- Chăm sóc tốt mối quan hệ với các khách hàng truyền thống, đồng thời duy trì thị trường nội địa, nhằm đảm bảo nguồn hàng sản xuất ổn định, tạo việc làm và thu nhập bền vững cho người lao động.
- Duy trì hiệu quả hệ thống quản lý chất lượng tại nhà máy, không để xảy ra sự cố chất lượng nghiêm trọng ảnh hưởng đến thương hiệu và uy tín của Công ty.
- Tăng cường kiểm soát chất lượng hàng wash, giúp giảm tỷ lệ hàng phế phẩm và hạn chế tình trạng mất hàng, nâng cao hiệu quả sản xuất.
- Thực hiện điều chỉnh tăng lương 6% cho người lao động theo quy định tại Nghị định số 74/2024/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 30/6/2024 về mức lương tối thiểu vùng. Việc điều chỉnh này không chỉ đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật, mà còn góp phần cải thiện thu nhập và đời sống của người lao động, tạo động lực làm việc và sự gắn bó lâu dài với Công ty. Bên cạnh đó, Công ty tiếp tục duy trì các chế độ phúc lợi, tiền thưởng hợp lý và kịp thời, đảm bảo ổn định nguồn nhân lực, giữ vững tinh thần đoàn kết nội bộ và nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Tăng mức đóng bảo hiểm cho người lao động theo đúng quy định pháp luật, đảm bảo đầy đủ quyền lợi an sinh xã hội.
- Trang bị đầy đủ hệ thống phòng cháy chữa cháy (PCCC) tại các khu vực sản xuất, đảm bảo môi trường làm việc an toàn, tuân thủ đúng các quy định pháp luật về PCCC.
- Hoàn tất thủ tục xin cấp Giấy phép môi trường và được cơ quan chức năng cấp phép ngày 31/12/2024, khẳng định cam kết của Công ty trong việc tuân thủ pháp luật và phát triển bền vững.

8.2. Tồn tại và hạn chế

Bên cạnh những kết quả tích cực đã đạt được, Ban điều hành cũng thẳng thắn nhìn nhận một số tồn tại, hạn chế cần tiếp tục khắc phục trong thời gian tới, cụ thể:

- Phát triển thị trường và khách hàng mới còn hạn chế. Hiệu quả kinh doanh của Công ty vẫn phụ thuộc phần lớn vào một số khách hàng truyền thống, điều này tiềm ẩn rủi ro về nguồn hàng trong bối cảnh kinh tế và đơn hàng toàn cầu biến động. Việc mở rộng thị trường, đa dạng hóa khách hàng vẫn là một chiến lược cần được ưu tiên trong thời gian tới.

- Cơ cấu bộ máy tổ chức của Công ty vẫn chưa thực sự tinh gọn, dẫn đến hiệu suất làm việc tại một số bộ phận còn hạn chế và làm phát sinh gánh nặng về chi phí lao động. Công tác rà soát, sắp xếp lại lao động theo hướng hiệu quả, tiết kiệm và linh hoạt tuy đã được đặt ra, nhưng chưa được triển khai một cách đồng bộ và quyết liệt, ảnh hưởng nhất định đến năng suất chung và hiệu quả sử dụng nguồn lực.

II. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2025:

1. Đánh giá tổng quan thị trường năm 2025

Bước sang năm 2025, ngành dệt may Việt Nam tiếp tục chịu tác động mạnh mẽ từ các yếu tố vĩ mô toàn cầu. Cụ thể:

- Sức mua toàn cầu suy giảm: Các thị trường chủ lực như Mỹ, Châu Âu, Nhật Bản tiếp tục cắt giảm đơn hàng do người tiêu dùng thắt chặt chi tiêu trong bối cảnh lạm phát kéo dài.

- Cơ cấu đơn hàng chưa bền vững: Đơn hàng trong năm tiếp tục tập trung chủ yếu ở phân khúc giá thấp, đơn hàng nhỏ lẻ, thời gian sản xuất ngắn, biên lợi nhuận thấp và thiếu tính ổn định. Những đơn hàng này rất dễ bị tác động bởi các yếu tố bất ổn kinh tế vĩ mô toàn cầu.

- Mức độ cạnh tranh ngày càng lớn: Sự cạnh tranh trong ngành dệt may ngày càng gia tăng, đặc biệt từ các quốc gia có chi phí sản xuất thấp như Bangladesh, Myanmar. Điều này tạo sức ép đáng kể lên doanh nghiệp Việt Nam cả về giá thành lẫn tiến độ giao hàng, trong khi yêu cầu về chất lượng ngày càng khắt khe hơn.

- Biến động kinh tế toàn cầu: Tình hình kinh tế thế giới tiếp tục tiềm ẩn nhiều rủi ro như lạm phát, điều chỉnh chính sách tiền tệ tại các nền kinh tế lớn, cùng với các yếu tố địa chính trị bất ổn, có thể ảnh hưởng tiêu cực đến nhu cầu hàng dệt may toàn cầu cũng như chi phí đầu vào trong nước.

- Tồn kho tăng tại các thương hiệu thời trang lớn: Tỷ lệ hàng tồn kho đang có xu hướng gia tăng, đặc biệt tại các thương hiệu toàn cầu, có thể dẫn đến việc cắt giảm đơn hàng trong nửa cuối năm 2025, gây ảnh hưởng đến kế hoạch sản xuất và dòng tiền của các doanh nghiệp trong ngành.

- Biến động chuỗi cung ứng toàn cầu: Trước bối cảnh căng thẳng thương mại kéo dài giữa Mỹ và Trung Quốc, nhiều thương hiệu lớn có xu hướng dịch chuyển chuỗi cung ứng ra khỏi Trung Quốc nhằm đa dạng hóa rủi ro. Đây là cơ hội tiềm năng cho Việt Nam, tuy nhiên cũng đi kèm áp lực về năng lực cạnh tranh và khả năng đáp ứng tiêu chuẩn toàn cầu.

- Xu hướng sản xuất xanh: Yêu cầu về phát triển bền vững, giảm phát thải, sử dụng nguyên liệu thân thiện với môi trường đang trở thành tiêu chuẩn bắt buộc trong

ngành. Doanh nghiệp chưa thích ứng kịp sẽ đứng trước nguy cơ bị loại khỏi chuỗi cung ứng toàn cầu.

- Đặc biệt, trong năm 2025, một trong những yếu tố có thể ảnh hưởng đáng kể đến triển vọng xuất khẩu của ngành dệt may Việt Nam là chính sách thuế và thương mại mới từ các thị trường lớn, đặc biệt là Mỹ – thị trường xuất khẩu chủ lực của ngành. Cụ thể, Mỹ đã xem xét và áp dụng một số biện pháp như áp mức thuế đối ứng đối với một số mặt hàng xuất khẩu từ Việt Nam. Biện pháp này được tuyên bố là nhằm giảm thâm hụt thương mại với các đối tác có thặng dư lớn trong cán cân thương mại song phương, trong đó có Việt Nam. Động thái trên nằm trong chuỗi các chính sách thương mại mang tính bảo hộ mà chính quyền Trump thúc đẩy nhằm bảo vệ sản xuất nội địa, đặc biệt trong bối cảnh tranh chấp thương mại đang có xu hướng lan rộng. Các biện pháp này làm tăng chi phí xuất khẩu, giảm khả năng cạnh tranh của hàng hóa Việt Nam so với các quốc gia đang có hiệp định thương mại ưu đãi hơn với Mỹ.

Với tình hình như trên sẽ gây tác động đến giá thành sản phẩm xuất khẩu của Việt Nam, giảm khả năng cạnh tranh so với các nước có hiệp định thương mại ưu đãi hơn với Mỹ; ảnh hưởng đến tâm lý và chiến lược đặt hàng của khách hàng quốc tế. Nguy cơ sụt giảm đơn hàng trong thời gian tới là điều các doanh nghiệp trong ngành cần chủ động ứng phó, đặc biệt ở các nhóm hàng truyền thống có giá trị gia tăng thấp.

2. Tình hình công ty và cơ cấu khách hàng năm 2025

Trước những dự báo phức tạp về tình hình kinh tế thế giới và trong nước, đặc biệt là các thách thức đối với ngành may mặc, Công ty xác định rõ định hướng hoạt động năm 2025 sẽ tập trung vào việc duy trì ổn định sản xuất, đảm bảo việc làm, tối ưu hiệu quả kinh doanh và chủ động ứng phó với các biến động của thị trường. Những mục tiêu này nhằm đảm bảo sự phát triển bền vững trong bối cảnh ngành đang chịu áp lực cạnh tranh cao và nhu cầu tiêu dùng có dấu hiệu chững lại.

Trong thời gian qua, để kiểm soát chi phí và hạ giá thành sản phẩm, Công ty đã tiến hành cắt giảm các yếu tố thời trang trong thiết kế. Tuy nhiên, điều này dẫn đến hệ quả là mẫu mã sản phẩm trở nên kém hấp dẫn hơn với người tiêu dùng, ảnh hưởng đến sức tiêu thụ. Một số khách hàng chiến lược của Công ty như Rock và Miss Me đã có xu hướng mở rộng tìm kiếm các nhà cung cấp mới tại Mexico và Việt Nam, nhằm đa dạng hóa chuỗi cung ứng. Điều này làm gia tăng áp lực cạnh tranh đối với Công ty.

Năm 2025, Công ty tiếp tục duy trì hai loại hình sản xuất chính là FOB và gia công nhằm đảm bảo sự linh hoạt trong đáp ứng nhu cầu khách hàng. Tuy nhiên, do sự sụt giảm đơn hàng từ các khách hàng lớn như Rock và Miss Me tại thị trường Mỹ, Công ty buộc phải thay thế bằng các đơn hàng gia công để duy trì hoạt động. Hệ quả là tỷ trọng đơn hàng FOB – vốn có giá trị gia tăng cao hơn – trong tổng sản lượng năm 2025 có xu hướng giảm đáng kể so với các năm trước. Đây là một thách thức lớn trong việc duy trì biên lợi nhuận và hiệu quả hoạt động sản xuất.

Sản lượng xuất hàng năm 2025 dự kiến như sau:

STT	Khách hàng	Thị trường	Loại hình	Sản phẩm	Năm 2024 (cái)	Kế hoạch năm 2025 (cái)	Tăng/Giảm (%)
1	Olymp	Châu Âu (Đức)	FOB	Áo sơ mi	1.523.440	1,620,835	6%

STT	Khách hàng	Thị trường	Loại hình	Sản phẩm	Năm 2024 (cái)	Kế hoạch năm 2025 (cái)	Tăng/Giảm (%)
2	Rock Revival	Mỹ	FOB	Quần jeans	794.621	524,612	-34%
3	Miss me	Mỹ	FOB	Quần jeans	619.926	576,314	-7%
4	Pac sun	Mỹ	FOB	Quần jeans	206.682	201,532	-2%
5	Yody	Việt Nam	FOB	Quần jeans	407.085	185,018	-55%
6	Evolution 3	Châu Âu (Đức)	Gia công	Quần jeans	448.704	721,980	61%
7	Eunina	Mỹ	FOB + Gia công	Quần jeans	328.300	339,567	3%
8	Khách hàng khác	Việt Nam	Gia công	Quần jeans	66.567	36.099	59%
	Tổng cộng				4.395.325	4,275,957	-3%

3. Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2025:

Với những nhận định về thị trường cùng các đánh giá về tình hình hoạt động như trên, mục tiêu năm 2025 được xác định như sau:

STT	Chỉ tiêu	Năm 2025 (Báo cáo riêng)	Năm 2025 (Báo cáo hợp nhất)
1	Vốn điều lệ	247.999.200.000	247.999.200.000
2	Sản lượng. Trong đó:	4.275.957	4.275.957
	- Somi	1.620.835	1.620.835
	- Jeans thời trang	1.100.926	1.100.926
	- Jeans cơ bản	1.554.196	1.554.196
3	Tổng doanh thu	1.620.294.349.850	1.611.416.798.762
	Trong đó: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.600.554.349.850	1.600.554.349.850
4	Tổng chi phí	1.512.773.916.155	1.501.223.053.660
5	Lợi nhuận trước thuế	107.520.433.695	110.193.745.102
6	Chi phí thuế TNDN hiện hành	23.104.086.739	23.104.086.739
	Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-3.114.902.429
7	Lợi nhuận sau thuế	84.416.346.956	90.204.560.792
	- LNST Công ty mẹ		85.308.376.494
	- LNST cổ đông không kiểm soát		4.896.184.298

Năm 2025, trong bối cảnh thị trường gặp nhiều khó khăn, đặc biệt là sự sụt giảm đơn hàng từ các khách hàng lớn tại các thị trường xuất khẩu chủ lực, hoạt động sản xuất

– kinh doanh của Công ty sẽ chịu nhiều áp lực. Tình hình này ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả kinh doanh. Cụ thể:

❖ *Theo báo cáo riêng năm 2025:*

- Doanh thu xuất hàng: Giảm 12% so với năm 2024
- Lợi nhuận sau thuế: Giảm 47% so với năm 2024

❖ *Theo báo cáo hợp nhất năm 2025:*

- Doanh thu xuất hàng: Giảm 12% so với năm 2024
- Lợi nhuận sau thuế: Giảm 49% so với năm 2024

Kết quả trên chưa bao gồm tác động từ chính sách thuế mới của thị trường Mỹ, vốn được xác định là một rủi ro lớn có khả năng ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh trong giai đoạn tiếp theo. Nếu chính sách này tiếp tục được mở rộng hoặc áp dụng ở mức độ cao hơn, biên lợi nhuận và sức cạnh tranh của doanh nghiệp có thể tiếp tục bị ảnh hưởng tiêu cực.

✚ **Nguyên nhân sụt giảm lợi nhuận năm 2025:**

Bên cạnh yếu tố doanh thu sụt giảm, đặc biệt là sụt giảm doanh thu từ nhóm khách hàng chiến lược. Trong cơ cấu khách hàng, Rock là đối tác có tỷ suất lợi nhuận cao (ước tính khoảng 19%). Tuy nhiên, trong năm 2025, doanh thu từ khách hàng này giảm đáng kể, kéo theo mức giảm tương ứng về lợi nhuận trước thuế, ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả kinh doanh chung của toàn Công ty.

Ngoài ra, biên lợi nhuận trong năm 2025 cũng chịu tác động tiêu cực từ nhiều yếu tố liên quan đến chi phí gia tăng, cụ thể như sau:

- Chi phí tiền lương tăng: Năm 2024, mức lương tối thiểu vùng được điều chỉnh tăng 6% theo Nghị định 74/2024/NĐ-CP, nhưng chỉ được áp dụng từ tháng 7. Trong khi đó, năm 2025, mức lương mới được áp dụng cho toàn bộ 12 tháng, làm gia tăng đáng kể tổng quỹ lương;

- Chi phí bảo hiểm xã hội tăng: Do ảnh hưởng từ việc áp dụng mức lương mới xuyên suốt cả năm 2025, mức đóng bảo hiểm xã hội tăng tương ứng;

- Chi phí tiền ăn tăng: Công ty đã điều chỉnh tăng mức hỗ trợ tiền ăn từ tháng 10/2024, ảnh hưởng toàn phần đến chi phí năm 2025;

- Giảm khoản hoàn nhập dự phòng: Trong năm 2025, Công ty Cổ phần Phát triển Thời trang (FDC) – Công ty con gặp khó khăn về đơn hàng, dẫn đến hiệu quả hoạt động suy giảm. Do đó, khoản hoàn nhập dự phòng từ FDC trong năm 2025 giảm mạnh so với năm trước;

Những yếu tố trên cho thấy, mặc dù Công ty đã có nhiều nỗ lực trong điều hành và kiểm soát chi phí, nhưng các biến động từ thị trường và chi phí đầu vào tăng cao đã ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả tài chính trong năm 2025.

4. Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2025:

Căn cứ vào kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025, trong bối cảnh Công ty phải đối mặt với nhiều khó khăn về thị trường, chi phí đầu vào gia tăng và sự sụt giảm đơn hàng từ các khách hàng chủ lực, lợi nhuận sau thuế năm 2025 dự kiến giảm 47% so với thực hiện năm 2024.

Bên cạnh đó, để thực hiện phương án di dời Công ty theo đúng chủ trương tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 26/04/2023, Hội đồng quản trị đã thành lập Tiểu ban di dời và xây dựng kế hoạch triển khai chi tiết cho việc dự án này. Trong năm 2025, Công ty đã tiến hành thuê đất phục vụ xây dựng nhà xưởng mới với tổng kinh phí 95,3 tỷ đồng (chưa bao gồm VAT) và đang tiếp tục thực hiện các bước tiếp theo trong công tác thi công, thiết kế. Đây là nhiệm vụ trọng tâm mang tính chiến lược dài hạn, đòi hỏi sự chuẩn bị kỹ lưỡng cả về mặt kỹ thuật nhân lực lẫn tài chính.

Do đó, năm 2025, Công ty cần chủ động cân đối nguồn tài chính nhằm: Đảm bảo thực hiện trách nhiệm với cổ đông thông qua phân phối lợi nhuận hợp lý; đồng thời bảo toàn nguồn lực cho công tác di dời và đầu tư mở rộng, đảm bảo sự phát triển ổn định trong các giai đoạn tiếp theo.

Trên cơ sở đó, kế hoạch phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2025 dự kiến như sau:

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2025
1	Trích lập các quỹ	
	- Quỹ đầu tư phát triển	20% LNST năm 2025
	- Quỹ khen thưởng phúc lợi	5% LNST năm 2025
	- Quỹ khen thưởng Ban Điều hành	1,5% LNST năm 2025
2	Chi cổ tức bằng tiền	Không thấp hơn 10% vốn điều lệ

5. Các giải pháp trọng tâm năm 2025

Trước những khó khăn trong năm 2025, bao gồm áp lực từ thị trường, sự sụt giảm đơn hàng từ các khách hàng chủ lực và chi phí đầu vào gia tăng, Ban Điều hành đã và đang triển khai các nhóm giải pháp trọng tâm như sau:

❖ Phát triển thị trường và khách hàng

- Duy trì hợp tác chặt chẽ với các khách hàng truyền thống, đặc biệt trong bối cảnh thị trường Mỹ – chiếm gần 70% kim ngạch xuất khẩu của Công ty – đang có nhiều biến động về chính sách thương mại và hành vi tiêu dùng. Công ty chủ động đàm phán, thương lượng để đạt được phương án chia sẻ lợi ích hợp lý, ổn định sản lượng, cải tiến sản phẩm và phát triển các nhánh hàng mới.

- Mở rộng thị trường xuất khẩu, tập trung khai thác thêm các thị trường tiềm năng ngoài Mỹ, đặc biệt các quốc gia có ký kết hiệp định thương mại tự do (FTA) với Việt Nam, nhằm giảm thiểu rủi ro phụ thuộc vào các thị trường truyền thống.

❖ Quản trị chất lượng và hoạt động sản xuất

- Tăng cường kiểm soát chất lượng ở tất cả các khâu: từ nội bộ đến các nhà thầu phụ và công ty con.

- Tối ưu hóa quy trình sản xuất và tiết giảm chi phí thông qua: Đàm phán giảm giá trong chuỗi cung ứng; Tinh gọn bộ máy quản lý, giảm chồng chéo trong vận hành; Tối ưu nhân sự theo nhu cầu thực tế; Kiểm soát thiệt hại, hạn chế hàng lỗi, hàng phế.

- Ứng dụng công nghệ và cải tiến kỹ thuật để nâng cao hiệu suất lao động, đảm bảo tiến độ và chất lượng sản phẩm.

❖ **Tăng cường quản trị tại công ty con (FDC)**

- Phát huy vai trò của người đại diện vốn, thành viên HĐQT, kết hợp với Ban kiểm soát để nâng cao hiệu quả giám sát và định hướng chiến lược tại FDC.
- Tập trung nâng cao năng lực cạnh tranh của FDC thông qua: Xây dựng hệ thống quản trị chất lượng bền vững, hướng đến tiêu chuẩn cao hơn; Giảm tỷ lệ hàng phế phẩm, tiết kiệm chi phí sản xuất; Cải thiện tiến độ giao hàng để đáp ứng yêu cầu khắt khe từ khách hàng.

Các giải pháp trên không chỉ giúp FDC duy trì hoạt động ổn định trong giai đoạn khó khăn, tăng khả năng cạnh tranh về giá và chất lượng, mà còn góp phần tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển dài hạn và bền vững của cả FDC và Công ty mẹ trong thời gian tới.

❖ **Định hướng Công ty con (FDC) giai đoạn tới**

Nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động và khả năng cạnh tranh của FDC, định hướng trọng tâm bao gồm:

- Củng cố cơ chế lãnh đạo và quản trị: Thiết lập cơ chế điều hành rõ ràng thông qua người đại diện vốn; tăng cường phối hợp giữa Ban lãnh đạo Công ty May và FDC nhằm đảm bảo triển khai đồng bộ các chiến lược sản xuất – kinh doanh.
- Tái định vị thị trường: Từng bước chuyển dịch cơ cấu khách hàng, giảm phụ thuộc thị trường Mỹ, mở rộng xuất khẩu denim sang thị trường EU và các thị trường tiềm năng khác.
- Hiện đại hóa sản xuất: Đầu tư mạnh vào công nghệ wash tiên tiến (ozone, laser), xây dựng hệ thống R&D và phát triển mẫu hiện đại nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm và đáp ứng yêu cầu khách hàng quốc tế.
- Phát triển nguồn nhân lực: Tăng cường tuyển dụng, đào tạo chuyên sâu đội ngũ kỹ thuật, kiểm soát chất lượng và nhân sự quản lý; đồng thời kiện toàn bộ phận Hành chính – Nhân sự để đáp ứng yêu cầu chuyên môn trong giai đoạn chuyển đổi.

❖ **Định hướng công tác nhân sự**

- Nâng cao hiệu quả tuyển dụng: Đa dạng hóa kênh tuyển dụng, ứng dụng công nghệ số để xây dựng cơ sở dữ liệu lao động, chủ động đáp ứng nhu cầu nhân sự khi có biến động.
- Đào tạo nâng cao tay nghề cho công nhân thông qua cải tiến thao tác, tăng năng suất, góp phần giữ chân người lao động và ổn định lực lượng sản xuất.
- Rà soát, tổ chức lại bộ máy: Sắp xếp công việc tại các phòng ban theo hướng tinh gọn, mở rộng không gian quản lý và đa năng hóa đội ngũ gián tiếp.
- Đào tạo đội ngũ quản lý và nhân viên nghiệp vụ: Tiếp tục tổ chức các khóa đào tạo kỹ năng, phát triển tư duy nhằm nâng cao năng lực điều hành, đáp ứng các yêu cầu mới trong bối cảnh thị trường nhiều biến động.

Trên đây là báo cáo hoạt động của Ban Điều hành năm 2024 và phương hướng hoạt động năm 2025. Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và có ý kiến.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thành viên HĐQT;
- Ban kiểm soát;
- Ban TGD;
- Lưu: TK.

TỔNG GIÁM ĐỐC



PHAN THÀNH ĐỨC